

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	8 - 23

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo GCNĐKDN gần nhất lần thứ 36 ngày 23 tháng 12 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm kế toán hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222 Yersin, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị (“HĐQT”) trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch	
Ông Phạm Văn Trọng	Thành viên điều hành	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025
Ông Vũ Đăng Linh	Thành viên điều hành	bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2025
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên điều hành	
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Thành viên điều hành	hết nhiệm kỳ ngày 26 tháng 4 năm 2025
Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên điều hành	hết nhiệm kỳ ngày 26 tháng 4 năm 2025
Ông Thomas Lanyi	Thành viên không điều hành	
Ông Robert Willett	Thành viên không điều hành	
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên độc lập	
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên độc lập	
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên độc lập	hết nhiệm kỳ ngày 26 tháng 4 năm 2025

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tiến Trung	Chủ tịch	
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 13 tháng 5 năm 2025
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên	hết nhiệm kỳ ngày 13 tháng 5 năm 2025

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Đăng Linh	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2025
	Giám đốc Tài chính	miễn nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2025
Bà Lý Trần Kim Ngân	Kế toán trưởng	
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Tổng Giám đốc	miễn nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2025

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Vũ Đăng Linh	bổ nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2025
Ông Trần Huy Thanh Tùng	miễn nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2025

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập Báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 30 tháng 1 năm 2026.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Vũ Đăng Linh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 1 năm 2026

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		4.770.260.531.773	6.159.541.372.542
110	I. Tiền	4	221.396.470.928	10.166.536.777
111	1. Tiền		221.396.470.928	10.166.536.777
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		3.246.286.886.357	5.180.322.000.323
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.1	3.246.286.886.357	5.180.322.000.323
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.255.781.373.718	964.957.408.171
135	1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	1.148.000.000.000	877.000.000.000
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	7	107.781.373.718	87.957.408.171
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		46.795.800.770	4.095.427.271
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	8	42.752.246.246	22.837.246
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	4.043.554.524	4.072.590.025
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		22.856.674.802.252	20.002.876.222.422
250	I. Đầu tư tài chính dài hạn		22.856.674.802.252	19.988.608.896.059
251	1. Đầu tư vào các công ty con	9.1	22.541.759.311.707	20.136.758.211.707
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	9.1	(700.241.009.455)	(148.149.315.648)
255	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	1.015.156.500.000	-
260	II. Tài sản dài hạn khác		-	14.267.326.363
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	-	14.267.326.363
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		27.626.935.334.025	26.162.417.594.964

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		948.121.597.140	6.216.670.297.707
310	I. Nợ ngắn hạn		948.121.597.140	6.216.670.297.707
313	1. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		222.222	-
315	2. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	14.175.951.173	266.595.773.351
319	3. Phải trả ngắn hạn khác	12	22.195.423.745	1.549.524.356
320	4. Vay ngắn hạn	13	911.750.000.000	5.948.525.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		26.678.813.736.885	19.945.747.297.257
410	I. Vốn chủ sở hữu	14.1	26.678.813.736.885	19.945.747.297.257
411	1. Vốn cổ phần		14.696.931.770.000	14.622.441.770.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		14.696.931.770.000	14.622.441.770.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(189.084.925.846)	522.021.325.200
415	3. Cổ phiếu quỹ		(12.364.140.000)	(7.599.680.000)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		12.183.331.032.731	4.808.883.882.057
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		3.330.427.119.060	2.180.582.129.650
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		8.852.903.913.674	2.628.301.752.407
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		27.626.935.334.025	26.162.417.594.964



Lý Trần Kim Ngân
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Vũ Đăng Linh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 1 năm 2026

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

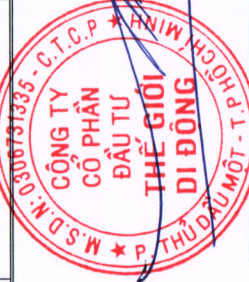
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm		Số lũy kế Năm trước
			Số quý này Năm nay	Số lũy kế Năm nay	Số quý này Năm trước	Số đầu năm	
21	1. Doanh thu hoạt động tài chính	15	5.364.117.505.968	9.770.247.201.762	1.623.875.015.387	3.158.675.297.711	
22	2. Chi phí tài chính	16	(13.457.734.731)	(912.169.233.602)	15.106.372.062	(508.905.019.989)	
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(9.419.978.100)	(291.787.790.198)	(120.264.989.568)	(460.482.509.459)	
26	3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	17	(1.222.812.146)	(5.172.952.740)	(1.381.844.736)	(21.468.525.315)	
30	4. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		5.349.436.959.091	8.852.905.015.420	1.637.599.542.713	2.628.301.752.407	
32	5. Chi phí khác		(648.929)	(1.101.746)	-	-	
40	6. Lỗ khác		(648.929)	(1.101.746)	-	-	
50	7. Tổng lợi nhuận trước thuế		5.349.436.310.162	8.852.903.913.674	1.637.599.542.713	2.628.301.752.407	
51	8. Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.1	-	-	-	-	
60	9. Lợi nhuận sau thuế TNDN		5.349.436.310.162	8.852.903.913.674	1.637.599.542.713	2.628.301.752.407	

VND



Lý Trần Kim Ngân
Người lập kiêm Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 30 tháng 1 năm 2026



Vũ Đăng Linh
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

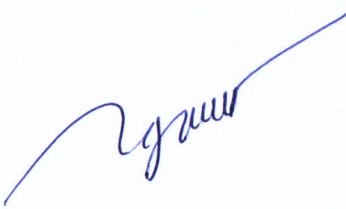
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		8.852.903.913.674	2.628.301.752.407
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
03	Các khoản dự phòng		552.091.693.807	-
04	(Lãi) Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(47.263.861.958)	25.793.714.496
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(9.770.247.201.762)	(3.158.675.297.711)
06	Chi phí lãi vay	16	291.787.790.198	460.482.509.459
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(120.727.666.041)	(44.097.321.349)
09	(Giảm) tăng các khoản phải thu		(29.831.977.611)	31.495.441.507
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(226.486.885.234)	101.680.001.558
12	(Tăng) giảm chi phí trả trước		(28.462.082.637)	21.733.802.306
14	Tiền lãi vay đã trả		(297.085.743.573)	(467.955.777.820)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(702.594.355.096)	(357.143.853.798)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(8.583.892.665.435)	(6.717.542.631.853)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		9.261.632.292.513	4.583.696.467.709
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(2.505.000.000.000)	-
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		99.998.900.000	99.998.900.000
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay và cổ tức		9.750.423.236.215	3.154.372.759.174
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		8.023.161.763.293	1.120.525.495.030
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	14.1	174.490.000.000	-
32	Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	14.1	(815.870.711.046)	(9.141.790.000)
33	Tiền thu từ đi vay	13.1	911.750.000.000	-
34	Tiền trả nợ gốc vay	13.1	(5.901.250.000.000)	(300.000.000.000)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	14.1	(1.478.456.763.000)	(730.957.693.995)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(7.109.337.474.046)	(1.040.099.483.995)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		211.229.934.151	(276.717.842.763)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		10.166.536.777	286.884.379.540
70	Tiền cuối năm	4	221.396.470.928	10.166.536.777



Lý Trần Kim Ngân
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Vũ Đăng Linh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 1 năm 2026

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo GCNĐKDN lần gần nhất lần thứ 36 ngày 23 tháng 12 năm 2025.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222 Yersin, Phường Thủ Dầu Một, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, Công ty có tám (8) công ty con trực tiếp như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con				
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	98,95	99,95
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý khoản đầu tư	94,99	94,99
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh (*)	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,33	99,33
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công nghệ thông tin	100,00	100,00
Công ty Cổ phần 4K Farm (*)	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	Nông nghiệp	99,99	99,99
Công ty TNHH Đầu tư Thiện Tâm	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý khoản đầu tư	100,00	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư An Nhi	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý khoản đầu tư	100,00	-
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (trước đây là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ lắp đặt, bảo trì	-	99,99

(*) Tại ngày lập báo cáo này, các Công ty con này đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết để giải thể.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 9.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 đến ngày 30 tháng 1 năm 2026.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.4 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.8 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

3.10 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	221.396.470.928	10.166.536.777
TỔNG CỘNG	221.396.470.928	10.166.536.777

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

5.1 Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn (i)	1.391.500.000.000	1.385.500.000.000
Khác (ii)	1.854.786.886.357	3.794.822.000.323
TỔNG CỘNG	3.246.286.886.357	5.180.322.000.323

- (i) Đây là các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn dưới 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.
- (ii) Đây là các khoản đầu tư vào trái phiếu và khoản đầu tư khác có kỳ hạn từ 6 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

5.2 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn thể hiện các khoản đầu tư trái phiếu bằng VND có kỳ hạn trên 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	Số cuối năm	VND Số đầu năm
Các công ty chứng khoán (i)	1.148.000.000.000	877.000.000.000

- (i) Phải thu cho vay thể hiện khoản cho các công ty chứng khoán vay tín chấp có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 12 tháng và hưởng lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi tiền gửi phải thu	51.927.639.731	32.318.547.082
Lãi trái phiếu phải thu	42.744.810.357	30.118.381.631
Lãi cho vay phải thu	13.059.298.630	25.520.479.458
Khác	49.625.000	-
TỔNG CỘNG	107.781.373.718	87.957.408.171

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	42.752.246.246	22.837.246
Phí bảo hiểm	42.747.000.000	-
Chi phí khác	5.246.246	22.837.246
Dài hạn	-	14.267.326.363
Chi phí thu xếp khoản vay	-	14.267.326.363
TỔNG CỘNG	42.752.246.246	14.290.163.609

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 9.1)	22.541.759.311.707	20.136.758.211.707
Dự phòng khoản đầu tư dài hạn (Thuyết minh số 9.1)	(700.241.009.455)	(148.149.315.648)
TỔNG CỘNG	21.841.518.302.252	19.988.608.896.059

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

9.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm			
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng VND	% sở hữu	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý khoản đầu tư	94,99	14.049.800.000.000	-	94,99	14.049.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	98,95	4.426.023.111.000	-	99,95	4.426.023.111.000	-
Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh (i)	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,33	860.950.000.000	(551.253.156.750)	99,33	860.937.300.707	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công nghệ thông tin	100,00	538.000.000.000	-	100,00	538.000.000.000	-
Công ty Cổ phần 4K Farm (i)	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	Nông nghiệp	99,99	161.986.200.707	(148.987.852.705)	99,99	161.998.900.000	(148.149.315.648)
Công ty TNHH Đầu tư Thiện Tâm (ii)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý khoản đầu tư	100,00	2.105.000.000.000	-	-	-	-
Công ty TNHH MTV Đầu tư An Nhì (iii)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý khoản đầu tư	100,00	400.000.000.000	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Thọ Điện Máy Xanh (iv)	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ lắp đặt, bảo trì	-	-	-	99,99	99.998.900.000	-
TỔNG CỘNG			22.541.759.311.707		(700.241.009.455)	20.136.758.211.707		(148.149.315.648)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

9.1 Đầu tư vào các công ty con (tiếp theo)

- (i) Tại ngày lập báo cáo này, các Công ty con này đang trong quá trình thực hiện các thủ tục cần thiết để giải thể.
- (ii) Tại ngày 27 tháng 11 năm 2025, Công ty đã thực hiện góp vốn thành lập Công ty TNHH Đầu tư Thiện Tâm với số vốn thực góp là VND 2.105.000.000.000 theo Nghị quyết số 11/NQ/HĐQT-2025.
- (iii) Tại ngày 17 tháng 12 năm 2025, Công ty đã thực hiện góp vốn thành lập Công ty TNHH MTV Đầu tư An Nhi với số vốn thực góp là VND 400.000.000.000 theo Nghị quyết số 11/NQ/HĐQT-2025.
- (iv) Tại ngày 29 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng 100% vốn chủ sở hữu cho Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh (trước đó là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động) theo Nghị quyết số 04/NQ/HĐQT/ĐMX. Theo đó, Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh (trước đó là Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt – Sửa chữa – Bảo hành Tận Tâm) không còn là công ty con của Công ty.

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

	VND			
	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.043.554.525	-	-	4.043.554.524
Thuế giá trị gia tăng	29.035.500	324.133.584	(353.169.085)	-
TỔNG CỘNG	4.072.590.025	324.133.584	(353.169.085)	4.043.554.524

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	9.408.840.058	14.706.793.433
Chi phí đảm bảo tỷ giá	4.651.111.111	251.015.319.915
Khác	116.000.004	873.660.003
TỔNG CỘNG	14.175.951.173	266.595.773.351

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nội bộ (Thuyết minh số 19)	20.634.327.612	-
Khác	1.561.096.133	1.549.524.356
TỔNG CỘNG	22.195.423.745	1.549.524.356

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

13. VAY NGÂN HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Chênh lệch tỷ giá	VND Số cuối năm
Vay ngắn hạn từ ngân hàng	-	911.750.000.000	-	-	911.750.000.000
Vay dài hạn từ ngân hàng đến hạn trả	5.948.525.000.000	-	(5.901.250.000.000)	(47.275.000.000)	-
TỔNG CỘNG	5.948.525.000.000	911.750.000.000	(5.901.250.000.000)	(47.275.000.000)	911.750.000.000
Trong đó:					
Số có khả năng trả nợ					
Vay ngắn hạn	5.948.525.000.000				911.750.000.000

13.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất 4%/năm nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Khoản vay	Số cuối năm		Ngày đáo hạn
	VND	Gốc USD	
Khoản vay tín chấp ngân hàng	911.750.000.000	35.000.000	Ngày 25 tháng 9 năm 2026

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 *Tính hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	VND Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	14.633.767.160.000	522.021.325.200	(9.783.280.000)	2.911.539.823.645	18.057.545.028.845
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.628.301.752.407	2.628.301.752.407
Hủy cổ phiếu quỹ	(11.325.390.000)	-	11.325.390.000	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(9.141.790.000)	-	(9.141.790.000)
Chia cổ tức tiền	-	-	-	(730.957.693.995)	(730.957.693.995)
Số cuối năm	14.622.441.770.000	522.021.325.200	(7.599.680.000)	4.808.883.882.057	19.945.747.297.257
Năm nay					
Số đầu năm	14.622.441.770.000	522.021.325.200	(7.599.680.000)	4.808.883.882.057	19.945.747.297.257
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP (i)	174.490.000.000	-	-	-	174.490.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	8.852.903.913.674	8.852.903.913.674
Mua lại cổ phiếu quỹ (ii)	-	-	(4.764.460.000)	-	(4.764.460.000)
Mua lại cổ phiếu quỹ để giảm vốn cổ phần (iii)	-	-	(811.106.251.046)	-	(811.106.251.046)
Giảm vốn cổ phần từ hủy cổ phiếu quỹ (iii)	(100.000.000.000)	(711.106.251.046)	811.106.251.046	-	-
Chia cổ tức tiền (iv)	-	-	-	(1.478.456.763.000)	(1.478.456.763.000)
Số cuối năm	14.696.931.770.000	(189.084.925.846)	(12.364.140.000)	12.183.331.032.731	26.678.813.736.885

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

- (i) Theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2025 ngày 26 tháng 4 năm 2025 và Nghị quyết số 06/NQ/HĐQT/2025 ngày 19 tháng 4 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ quản lý chủ chốt của Công ty và các công ty con với số lượng 17.449.000 cổ phiếu tương đương với việc tăng vốn với số tiền 174.490.000.000 VND.
- (ii) Vào ngày 23 tháng 5 năm 2025, Công ty đã mua lại 324.161 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) của những nhân viên đã nghỉ việc theo quy chế phát hành ESOP, với giá mua là 3.241.610.000 VND.
- Vào ngày 4 tháng 7 năm 2025, Công ty đã mua lại 152.285 cổ phiếu phát hành theo chương trình lựa chọn cho người lao động (ESOP) của những nhân viên đã nghỉ việc theo quy chế phát hành ESOP, với giá mua là 1.522.850.000 VND.
- (iii) Vào ngày 18 tháng 10 năm 2025, Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua Nghị quyết số 10/NQ/HĐQT-2025 về phương án mua lại 10.000.000 cổ phiếu Công ty từ các cổ đông hiện hữu nhằm mục đích giảm vốn điều lệ, đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên 2025 thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2025 ngày 26 tháng 4 năm 2025. Vào ngày 12 tháng 12 năm 2025, Công ty đã hoàn thành việc mua lại 10.000.000 cổ phiếu phổ thông với tổng giá và phí mua là 811.106.251.046 VND.
- Vào ngày 23 tháng 12 năm 2025, Công ty đã nhận GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 36, được cấp bởi Sở Tài chính Thành Phố Hồ Chí Minh, phê duyệt việc giảm vốn điều lệ của Công ty từ 14.796.931.770.000 VND xuống 14.696.931.770.000 VND.
- (iv) Theo Nghị quyết số 01/NQ/ĐHĐCĐ/2025 ngày 26 tháng 4 năm 2025 và theo Nghị quyết số 09/NQ/HĐQT-2025 ngày 25 tháng 6 năm 2025, Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2024 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu của Công ty với tỷ lệ 10% trên mệnh giá mỗi cổ phiếu phổ thông.

14.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.622.441.770.000	14.633.767.160.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP	174.490.000.000	-
Hủy cổ phiếu quỹ	(100.000.000.000)	(11.325.390.000)
Số cuối năm	14.696.931.770.000	14.622.441.770.000
Cổ tức đã công bố và chi trả trong năm		
Cổ tức đã công bố	1.478.456.763.000	730.957.694.000
Cổ tức đã chi trả bằng tiền	1.478.456.763.000	730.957.694.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.3 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.469.693.177	1.462.244.177
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.469.693.177	1.462.244.177
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(1.236.414)	(759.968)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.468.456.763	1.461.484.209

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết. không hạn chế.

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cổ tức	9.264.541.215.910	2.771.476.165.927
Lãi tiền gửi	216.594.943.503	48.467.869.696
Lãi thu từ trái phiếu	203.678.324.080	212.254.610.336
Lãi tiền cho vay	85.432.718.269	126.476.651.752
TỔNG CỘNG	9.770.247.201.762	3.158.675.297.711

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng đầu tư dài hạn	552.091.693.807	-
Chi phí lãi vay	291.787.790.198	460.482.509.459
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	48.338.542.612	25.793.714.496
Chi phí thu xếp khoản vay	18.918.437.465	22.519.119.552
Khác	1.032.769.520	109.676.482
TỔNG CỘNG	912.169.233.602	508.905.019.989

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	VND Năm trước
Chi phí tư vấn	3.007.442.631	2.825.671.476
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.080.428.740	5.553.155.726
Thuế nhà thầu	-	11.819.753.783
Khác	1.085.081.369	1.269.944.330
TỔNG CỘNG	5.172.952.740	21.468.525.315

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

18.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Năm nay	VND Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8.852.903.913.674	2.628.301.752.407
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	1.770.580.782.735	525.660.350.481
Các khoản điều chỉnh:		
Thu nhập từ cổ tức	(1.852.908.243.182)	(554.295.233.185)
Lỗi thuế chưa ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại	82.327.460.447	28.634.882.704
Chi phí thuế TNDN	-	-

18.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có quan hệ kiểm soát với Công ty trong năm và tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Điện Máy Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty con
Công ty Cổ phần 4K Farm	Công ty con
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty con
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Công ty con
Công ty TNHH Đầu tư Thiện Tâm	Công ty con
Công ty TNHH MTV Đầu tư An Nhi	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Dược phẩm An Khang Pharma	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Thương mại Avakids	Công ty con gián tiếp
PT Era Blu Elektronik	Công ty liên doanh
Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch HĐQT
Ông Phạm Văn Trọng	Thành viên HĐQT
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên HĐQT
Ông Thomas Lanyi	Thành viên HĐQT
Ông Robert Willett	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên HĐQT và Thành viên Ủy ban Kiểm toán
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên HĐQT
Ông Vũ Đăng Linh	Tổng Giám đốc (từ ngày 3 tháng 4 năm 2025)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay bao gồm:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Thu nhập từ cổ tức	8.695.179.943.522	2.748.476.418.927
		Thu hồi khoản cho vay	-	2.181.850.000.000
		Cho vay	-	292.400.000.000
		Lãi cho vay	-	79.322.775.940
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Công ty con	Nhận cổ tức	469.361.272.388	-
		Thu hồi đầu tư góp vốn	99.998.900.000	-
Công ty TNHH Đầu tư Thiện Tâm	Công ty con	Góp vốn đầu tư	2.105.000.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2025 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay bao gồm (tiếp theo):

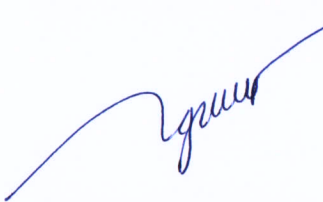
VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH MTV Đầu tư An Nhi	Công ty con	Góp vốn đầu tư	400.000.000.000	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty con	Nhận cổ tức	100.000.000.000	-
Ông Robert Willett	Thành viên HĐQT	Chi phí tư vấn	2.503.842.632	2.351.671.475
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty con	Thu hồi đầu tư góp vốn	-	99.998.900.000
		Thu nhập từ cổ tức	-	22.999.747.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải trả các bên liên quan như sau:

VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Phải trả ngắn hạn khác				
Công ty Cổ phần Thợ Điện Máy Xanh	Công ty con	Phải trả khác	20.634.327.612	-

20. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc năm kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Lý Trần Kim Ngân
Người lập kiêm Kế toán trưởng



Vũ Đăng Linh
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 30 tháng 1 năm 2026